

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục diễn biến giằng co trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1.699,13 điểm. Thị trường biến động khá mạnh trong nửa sau phiên chiều, một diễn biến thường thấy trong các ngày đáo hạn phái sinh. Độ rộng thị trường nghiêng hẳn về phía tiêu cực với 17/18 ngành giảm điểm, trong đó Dầu khí và Hóa chất là 2 nhóm dẫn đầu đà giảm. Về giao dịch khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Trong bối cảnh xu hướng vẫn chưa rõ ràng và thị trường thiếu sự đồng thuận, nhà đầu tư nên giữ tâm lý thận trọng trong giao dịch.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo chiều vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 19/03/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-14.70** điểm, đóng cửa tại **1699.13** điểm. HNX-Index **-2.05** điểm, đóng cửa tại **245.73** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPL (+1.28)**, **NVL (+0.46)**, **VHM (+0.26)**, **GEE (+0.21)**, **MBB (+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.79)**, **VIC (-1.64)**, **BSR (-1.39)**, **GVR (-1.27)**, **VCB (-1.24)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **23,033** tỷ đồng, tăng **6.42%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24,605 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 23.57 điểm. Thị trường có **95** mã tăng, **54** mã tham chiếu, **229** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-983.90** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-236.52 tỷ)**, **VIC (-226.38 tỷ)**, **BSR (-144.13 tỷ)**, **FUEVFNVD (-79.27 tỷ)**, **PLX (-78.07 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-27.30** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.18%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - DCM (+1.58%)** ([Link báo cáo](#))
 - PDR (+0.98%)** ([Link báo cáo](#))
 - MBB (+0.38%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.83%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VCG (+4.07%)** ([Link báo cáo](#))
 - HDG (+3.25%)** ([Link báo cáo](#))
 - SIP (+2.98%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.18%	-0.83%	-0.86%	-0.78%
1 tuần	-3.70%	-2.07%	-0.61%	-0.30%
1 tháng	-6.17%	-4.42%	-6.85%	-8.15%
3 tháng	2.27%	2.54%	-0.30%	-4.09%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,699.13	245.73	123.95
% 1D	-0.86%	-0.83%	-0.73%
GTKL (tỷ VND)	23,033	1,418	522
%1D	6.42%	-4.28%	-30.60%
GDNN (tỷ VND)	-983.90	-27.30	-23.89

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MSN	238.66	FPT	-236.52
VHM	110.59	VIC	-226.38
ACB	88.64	BSR	-144.13
DCM	35.75	FUEVFNVD	-79.27
KDH	32.75	PLX	-78.07

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,625	-1.36%	-2.23%
FTSE100	10,113	-1.86%	-1.86%
Eurostoxx	5,613	-1.94%	-1.85%
Shanghai	4,007	-1.39%	-2.97%
Nikkei	53,373	-3.57%	-2.18%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	115.45	7.52%
Giá vàng	4,720	-2.58%
Tỷ giá		
USD/VND	26,325	0.02%
EUR/VND	30,954	-0.53%
JPY/VND	168	-1.18%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.3%	
LS LNHH 1M	7.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	81.00	4.11%	1.28	1.02
NVL	13.90	6.92%	0.46	26.59
VHM	102.30	0.29%	0.26	4.67
GEE	166.00	1.59%	0.21	0.74
MBB	26.40	0.38%	0.17	20.16

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

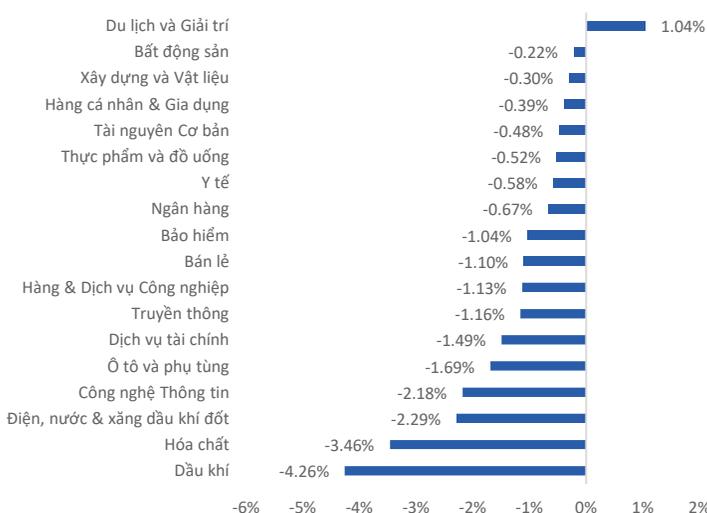
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	15.40	2.67%	0.13	9.97
HHC	150.80	8.49%	0.12	0.00
TFC	49.00	9.13%	0.04	0.01
DNC	58.00	9.43%	0.03	0.00
TNG	24.40	1.67%	0.03	1.73

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SMA	9.84	6.96%	0.00	0.00
NVL	13.90	6.92%	0.46	26.59
PET	45.75	6.89%	0.07	2.34
NO1	6.84	6.88%	0.00	0.26
VSI	29.95	5.64%	0.00	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LBE	34.60	9.84%	0.04	0.01
HAT	33.60	9.80%	0.04	0.00
VCC	12.70	9.48%	0.11	0.10
DNC	58.00	9.43%	0.22	0.00
PGN	7.00	9.38%	0.02	0.25

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	88.10	-3.93%	-1.79	2.15
VIC	145.00	-0.68%	-1.64	5.62
BSR	29.30	-4.40%	-1.39	16.08
GVR	32.45	-4.56%	-1.27	4.20
VCB	59.80	-1.16%	-1.24	6.29

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

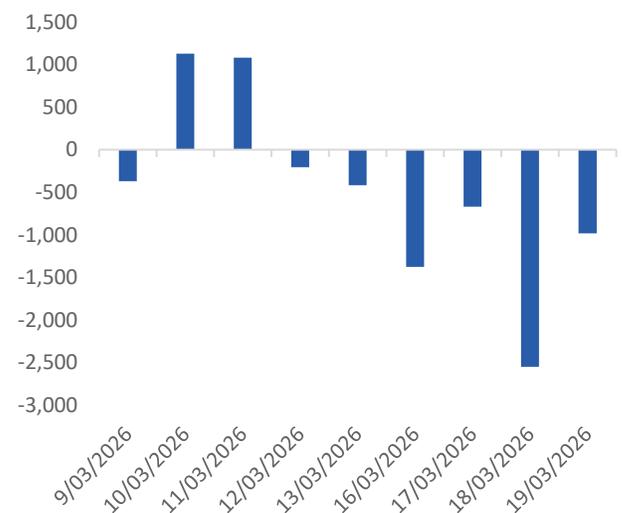
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	150.50	-4.44%	-0.76	0.05
KSF	79.40	-1.49%	-0.61	0.03
MBS	23.50	-3.69%	-0.33	6.67
SHS	15.70	-3.09%	-0.25	21.04
NVB	11.00	-1.79%	-0.22	0.14

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PAN	30.15	-6.94%	-0.09	1.40
HRC	76.60	-6.93%	-0.03	0.04
APG	6.21	-6.90%	-0.02	2.56
DGC	59.60	-6.88%	-0.33	1.55
COM	33.60	-6.67%	-0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIT	23.90	-9.81%	-0.46	0.00
ONE	11.30	-9.60%	-0.03	0.07
ADC	19.50	-9.30%	-0.03	0.00
V12	9.90	-9.17%	-0.04	0.00
SGH	20.00	-9.09%	-0.09	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
MWG	Bán lẻ	82.4	-1.6%	1.2	120,998	652.6	4,777	17.3	113,000	48.9%	Link
KBC	Bất động sản	31.2	-0.8%	1.0	29,336	90.8	2,450	12.7	46,000	10.8%	Link
KDH	Bất động sản	26.3	0.2%	1.0	29,458	100.0	943	27.9	39,900	29.7%	Link
PDR	Bất động sản	15.4	1.0%	1.2	15,366	154.9	531	29.0	28,200	6.5%	Link
VHM	Bất động sản	102.3	0.3%	1.5	420,188	474.9	10,008	10.2	119,600	7.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	76.8	-2.3%	0.8	130,829	898.9	5,511	13.9	124,400	33.7%	Link
BSR	Dầu khí	29.3	-4.4%	0.0	146,714	489.5	1,036		23,200	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	42.9	-0.2%	1.4	21,940	317.9	3,560	12.1	52,300	15.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	20.6	-4.2%	1.1	22,193	412.9	1,454	14.1	-	34.0%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	27.0	-3.6%	1.1	67,260	1637.8	1,987	13.6	-	31.7%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	35.1	-2.6%	0.8	29,796	532.3	1,849	19.0	-	18.7%	Link
DCM	Hóa chất	45.1	1.6%	0.9	23,849	243.6	3,702	12.2	40,200	8.1%	Link
DGC	Hóa chất	59.6	-6.9%	1.0	22,635	92.8	7,965	7.5	109,300	7.5%	Link
ACB	Ngân hàng	23.6	-0.6%	0.8	121,225	495.3	3,042	7.8	27,100	27.4%	Link
CTG	Ngân hàng	34.7	-1.0%	1.0	269,125	260.5	4,454	7.8	53,500	25.3%	Link
HDB	Ngân hàng	25.7	-0.2%	1.0	128,385	362.6	3,432	7.5	32,700	22.9%	Link
MBB	Ngân hàng	26.4	0.4%	1.0	212,652	527.5	3,325	7.9	33,000	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.2	-1.3%	1.0	34,944	101.0	1,804	6.2	14,000	29.1%	Link
STB	Ngân hàng	63.4	0.2%	0.8	119,523	828.3	3,150	20.1	-	13.5%	Link
TCB	Ngân hàng	30.1	-0.8%	1.1	212,942	498.3	3,577	8.4	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.0	-0.3%	1.1	44,385	188.4	2,660	6.0	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	59.8	-1.2%	0.8	499,669	374.6	4,210	14.2	75,800	20.5%	Link
VIB	Ngân hàng	16.8	-1.8%	0.8	57,187	106.5	2,143	7.8	23,000	4.9%	Link
VPB	Ngân hàng	25.6	0.0%	1.1	203,108	607.6	3,024	8.5	36,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.7	-0.4%	0.9	204,935	995.7	2,013	13.3	32,200	22.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.6	-1.0%	0.9	9,066	41.4	1,012	14.4	15,700	3.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	23.2	-1.3%	0.9	8,929	78.2	3,915	5.9	28,800	1.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	75.4	0.1%	1.0	109,022	842.6	2,710	27.8	98,300	23.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.0	-1.1%	0.6	127,487	392.8	4,503	13.6	78,000	48.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.5	-0.46%	1.1	9,621	113.4	2,494	17.4	21.2%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	149.0	-0.47%	1.0	25,375	36.4	4,667	31.9	32.6%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	74.4	-1.06%	1.2	55,229	34.7	3,996	18.6	27.3%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	13.6	1.12%	1.1	10,831	132.3	990	13.7	2.5%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	14.1	2.17%	1.0	15,685	262.7	229	61.7	20.1%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	17.8	0.56%	1.0	3,556	38.1	2,559	7.0	1.5%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	28.6	3.25%	1.1	10,581	120.2	1,907	15.0	19.4%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	44.0	0.00%	1.4	16,698	58.7	5,090	8.6	14.2%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	28.0	1.08%	1.0	13,583	120.5	1,805	15.5	41.0%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	58.8	2.98%	0.9	14,236	31.7	5,601	10.5	2.7%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	29.0	-1.19%	0.9	5,220	15.8	1,916	15.1	4.9%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	14.6	1.39%	1.2	13,317	111.3	416	35.1	11.8%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	145.0	-0.68%	1.6	1,117,374	828.5	1,739	83.4	3.3%	9.4%	Link
VRE	Bất động sản	26.1	-0.19%	1.3	59,194	133.6	2,837	9.2	11.6%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	29.6	-0.67%	1.0	6,894	6.1	1,700	17.4	38.0%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	46.0	-5.06%	0.9	58,447	186.2	2,122	21.7	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	36.8	-0.81%	0.7	20,456	228.9	1,866	19.7	11.5%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	26.4	-3.83%	1.1	9,130	30.5	1,161	22.7	24.8%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	23.5	-3.69%	1.7	15,681	158.0	1,883	12.5	0.4%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	88.1	-3.93%	0.9	212,581	190.5	4,730	18.6	2.2%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.0	-2.63%	1.0	39,729	194.0	828	15.6	2.9%	7.1%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.4	2.19%	0.7	35,424	138.4	4,669	14.0	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	158.7	-0.81%	0.8	93,889	330.2	3,728	42.6	6.6%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	34.0	-2.86%	1.1	30,682	147.7	1,638	20.8	7.0%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	76.5	-3.65%	1.0	32,627	113.5	3,986	19.2	41.5%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.0	-2.61%	0.7	10,407	51.9	6,767	8.3	5.8%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.3	-6.05%	0.8	10,949	266.9	2,210	10.5	13.1%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	89.4	-1.65%	0.7	10,887	24.7	3,325	26.9	4.9%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	114.9	-0.09%	0.7	39,198	102.7	8,353	13.8	48.9%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	23.5	0.00%	0.8	2,633	40.8	2,402	9.8	48.5%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	24.4	1.67%	1.4	3,141	41.6	3,163	7.7	21.6%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	30.8	0.00%	0.8	20,908	319.6	1,579	19.5	6.1%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	32.5	-4.56%	1.2	129,800	137.8	1,406	23.1	0.8%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	22.4	-2.19%	1.1	41,632	401.9	610	36.6	3.5%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	43.9	0.57%	0.6	131,142	190.9	3,824	11.5	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	12.7	-0.78%	0.6	21,703	30.5	2,438	5.2	1.3%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	11.0	0.46%	0.8	29,294	21.1	1,506	7.3	19.6%	12.3%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.7	-1.08%	0.9	6,132	60.0	461	29.7	5.1%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	23.3	-1.48%	1.1	6,204	20.9	3,754	6.2	3.1%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.0	-0.57%	0.6	10,626	80.4	341	102.4	3.9%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	44.4	-0.22%	0.8	56,882	42.3	3,449	12.9	58.4%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	58.7	-1.51%	0.9	13,175	45.4	6,073	9.7	20.4%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	128.0	-6.36%	0.5	10,478	114.5	15,010	8.5	82.9%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.8	1.60%	0.9	8,818	80.8	7,388	11.2	48.9%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	82.0	-0.61%	1.0	9,380	26.3	5,244	15.6	5.5%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	41.6	0.48%	0.9	4,933	15.8	3,184	13.1	19.0%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	0.00%	1.0	6,675	76.8	1,212	10.1	10.7%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.7	-1.91%	0.8	10,570	159.0	2,553	10.1	16.1%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.0	4.07%	0.8	14,869	465.2	6,084	3.8	3.9%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.9	-1.40%	1.1	20,579	35.4	3,130	14.7	2.6%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
2	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
3	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
4	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
5	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
6	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
8	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
9	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
10	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
12	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
15	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
17	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
18	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
19	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
20	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
21	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
22	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>